**PHỤ LỤC I**

BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(BIỂU MẪU 01A/ĐG-KSTT)  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24 tháng 02 năm 2014*

*của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH -------** | ***Biểu mẫu 01A/ĐG-KSTT*** |

**BIỂU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**Tên dự án, dự thảo:** Thủ tục Kê khai thông tin giao dịch liên kết.

|  |  |
| --- | --- |
| **I. SỰ CẦN THIẾT CỦA QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ ÁN, DỰ THẢO** | |
| **1. Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý?** | - Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý: Cơ quan thuế quản lý đầy đủ, chặt chẽ thông tin các giao dịch được thực hiện giữa người nộp thuế và các bên liên kết, thông tin về xác định giá giao dịch liên kết theo các giao dịch độc lập, thông tin giao dịch có rủi ro cao về tránh né thuế nhằm đánh giá, kiểm soát rủi ro chuyển giá, tránh thuế; đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật thuế để có biện pháp quản lý phù hợp với từng nhóm đối tượng người nộp thuế.  - Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản quy định *(nếu nội dung này đã được quy định/ ban hành):* Khoản 3 Điều 8; Điều 10 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ. |
| **2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?** | **Nội dung:** Người nộp thuế thực hiện quyền tự khai, tự nộp thuế trên cơ sở kê khai thông tin giao dịch liên kết theo kết quả phân tích so sánh do người nộp thuế tự thực hiện tại Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết và kê khai chi phí lãi vay được trừ và không được trừ trong kỳ tính thuế làm căn cứ xác định nghĩa vụ thuế.  Người nộp thuế có nghĩa vụ kê khai và nộp mẫu tờ khai thông tin giao dịch liên kết cho cơ quan thuế theo đúng mẫu biểu và thời hạn quy định tại Nghị định 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017.  - Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định: Nhằm quản lý chặt chẽ và đầy đủcác thông tin liên quan về các giao dịch của người nộp thuế có rủi ro cao về chuyển giá, trốn tránh thuế.  - Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản quy định *(nếu nội dung này đã được quy định/ ban hành):* Điều 10 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày24/02/2017 của Chính phủ |
| **3. Những biện pháp có thể sử dụng để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước; bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức nêu trên?** | **Đối với Nội dung tại Mục [I.1] hoặc [I.2]:**  ***- Quy định TTHC:*** ⮽  + Tên TTHC: Kê khai thông tin giao dịch liên kết.  (i) TTHC được: Quy định mới          Sửa đổi, bổ sung          Thay thế TTHC khác   ⮽  (ii) Có thể quy định hình thức đơn giản hơn đối với TTHC này không? Có ⮽      Không   Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: ..........................................................................  + Tên TTHC *(trình bày như trên, nếu có)*: ...................................................  ***- Sử dụng các biện pháp khác không phải bằng quy định TTHC:***   Biện pháp : Thanh tra, kiểm tra; |
| **4. Lý do lựa chọn biện pháp quy định TTHC** | **Đối với Nội dung tại Mục IV.1 và Mục IV.3:**  - TTHC: Kết quả sản xuất kinh doanh sau khi xác định giá giao dịch liên kết.  + Lý do *(nếu được sửa đổi, bổ sung, thay thế TTHC khác đề nghị nêu rõ ưu điểm so với TTHC hiện hành):* Trước đây Thủ tục được quy định tại Nghị định 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ, nay Thủ tục được quy định tại Nghị định số …/2019/NĐ-CP ngày …/…/2019 của Chính phủ.  + Lý do không lựa chọn biện pháp khác: Không đảm bảo cho công tác quản lý thuế. |
| **II. ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA TỪNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  *(Cơ quan chủ trì soạn thảo sử dụng Phần II Biểu 01A/ĐG-KSTT để đánh giá đối với từng TTHC dự kiến quy định tại dự án, dự thảo)* | |

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH:** Kê khai thông tin giao dịch liên kết.

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. Tên thủ tục hành chính** | | | | | | | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể không? | | | | Có ⮽    Không   Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: .................................................... | | | |
| b) Có chính xác và thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính này không? | | | | Có ⮽   Không   Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: ....... ..... ................................... | | | |
| **2. Trình tự thực hiện** | | | | | | | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không? | | | | Có ⮽    Không   Nêu rõ lý do: ...................... ................................................... | | | |
| b) Có được quy định hợp lý giữa các bước thực hiện để tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện? | | | | Có ⮽    Không   Nêu rõ lý do: ..................................... ............................... | | | |
| c) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? | | | | Có ⮽    Không   Nêu rõ lý do: .......................................................................... | | | |
| d) Có áp dụng cơ chế liên thông không? | | | | Có    Không ⮽  Nêu rõ lý do: ........................................... .............................. | | | |
| e) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không? | | | | Có   Không ⮽                        Nếu CÓ, nêu rõ:  - Lý do quy định:  - Căn cứ quy định:  + Được quy định mới tại dự án, dự thảo   + Đã được quy định tại văn bản khác   Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: .......................  - Các biện pháp có thể thay thế: Có    Không  Nếu CÓ, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: ................................................................................................. | | | |
| **3. Cách thức thực hiện** | | | | | | | |
| a) Nộp hồ sơ:  Trực tiếp ⮽   Bưu điện ⮽   Mạng ⮽  b) Nhận kết quả: có trả lại kết quả cho người nộp thuế  Trực tiếp ⮽   Bưu điện ⮽   Mạng ⮽ | | | | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có     Không   Nêu rõ lý do:............................................................................  - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?  Có   Không   Nêu rõ lý do:......................... ............................ ............ . | | | |
| **4. Hồ sơ** | | | | | | | |
| Tên thành phần hồ sơ: Tờ khai thông tin về quan hệ liên kết và giao dịch liên kết ban hành kèm theo Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ | | | | - Nêu rõ lý do quy định: Sửa đổi và thay thế các quy định tại mục IV.1 và IV.3 của Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 nhằm đảm bảo phù hợp với nội dung quy định được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số …./NĐ-CP ngày…./…./2019 của Chính phủ.  - Yêu cầu, quy cách: Người nộp thuế thực hiện kê khai theo mẫu và nộp tờ khai theo quy định. | | | |
| Các thành phần hồ sơ nêu trên có bao gồm đầy đủ các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC không? | | | | Có ⮽   Không   Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: ................................................... | | | |
| Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ | | | | Lý do *(nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):* ......................... | | | |
| **5. Thời hạn giải quyết** | | | | | | | |
| **6. Cơ quan thực hiện** | | | | | | | |
|  | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan thực hiện không? Có ⮽   Không   Nêu rõ lý do: Để thuận tiện cho NNT và đảm bảo cho công tác QLT.  - Có được quy định áp dụng tối đa các giải pháp phân cấp hoặc ủy quyền cho cơ quan hành chính cấp dưới hoặc địa phương giải quyết không?  Có    Không ⮽  Nêu rõ lý do: | | | | | | |
| **7. Đối tượng thực hiện** | | | | | | | |
| a) Đối tượng thực hiện:  - Tổ chức: Trong nước ⮽ Nước ngoài   Mô tả rõ: doanh nghiệp có phát sinh giao dịch liên kết.  - Cá nhân: Trong nước   Nước ngoài   Mô tả rõ: …………………………  b) Phạm vi áp dụng:  - Toàn quốc ⮽   Vùng    Địa phương   - Nông thôn    Đô thị    Miền núi   Biên giới, hải đảo   c) Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: khoảng hơn 7.000 doanh nghiệp | | | | | | | - Lý do quy định:  + Về đối tượng: doanh nghiệp có phát sinh giao dịch liên kết  + Về phạm vi: Toàn quốc vì không phân biệt vùng.  - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng, phạm vi để tăng số đối tượng thực hiện được hưởng lợi không? Có    Không ⮽  Nêu rõ lý do: (phạm vi toàn quốc nên không cần đưa lý do) |
| **8. Phí, lệ phí** | | | | | | | |
| a) TTHC có quy định về phí, lệ phí không?  - Phí: Không ⮽   Có   Nếu CÓ, nêu rõ lý do: .....................  - Lệ phí: Không ⮽   Có   Nếu CÓ, nêu rõ lý do: ...................... | | | | | | - Mức phí, lệ phí:  + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): .......................  + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): ...............  + Mức phí, lệ phí có phù hợp không: Có  Không   Lý do:...........................................................................  - Mức phí, lệ phí được quy định tại:  + Dự án, dự thảo   + Văn bản khác   (i) Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: ......................................................................................  (ii) Nếu chưa ban hành, nêu rõ lý do: ...................................................................................... | |
| b) Ngoài phí, lệ phí cá nhân, tổ chức có các chi trả nào khác?  Không ⮽   Có   Nếu CÓ, nội dung này được quy định tại:  - Dự thảo   - Văn bản khác   Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng:…………………………… | | | | | | - Nội dung chi trả: ......................................................  Lý do chi trả:...............................................................  - Mức chi trả: .............................................................  Mức chi trả này có phù hợp không: Có    Không   Lý do: ....................................................................... | |
| c) Dự kiến chi phí tuân thủ TTHC:   |  | | --- | | **11.633.875 đồng** | | | | | | | Mức chi phí này có phù hợp không: Có ⮽  Không   Lý do:...................................................................... | |
| **9. Mẫu đơn, tờ khai** | | | | | | | |
| TTHC có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | | | | | | Có ⮽   Không   - Nếu CÓ, quy định về: Mẫu đơn    Tờ khai ⮽  - Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:.................................... | |
| a) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Tờ khai Mẫu số 01  Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không?  Có ⮽   Không   Nếu CÓ, nêu rõ:  - Lý do: tổ chức cam kết nội dung kê khai.  - Có quy định rõ cơ quan nhà nước hay người có thẩm quyền và nội dung xác nhận không?  Có    Không ⮽  Nêu rõ lý do: tổ chức tự khai và chịu trách nhiệm. | | | | | | Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:  - Nội dung thông tin 1: 5 chỉ tiêu định danh doanh nghiệp thực hiện kê khai  Lý do quy định: Để có thông tin về doanh nghiệp thực hiện kê khai giao dịch liên kết.  - Nội dung thông tin 2: 5 chỉ tiêu định danh các bên có quan hệ liên kết với doanh nghiệp kê khai.  Lý do quy định: xác định các bên có quan hệ liên kết với doanh nghiệp kê khai.  - Nội dung thông tin 3: 8 chỉ tiêu về xác định thông tin đơn giản hóa thủ tục kê khai.  Lý do quy định: xác định các trường hợp Người nộp thuế không phải thực hiện kê khai các chỉ tiêu xác định giá giao dịch liên kết (mục III, IV) trên tờ khai nhằm giảm thủ tục hành chính cho người nộp thuế.  - Nội dung thông tin 4: gồm 11 chỉ tiêu về giao dịch liên kết và xác định giá giao dịch liên kết theo kết quả phân tích so sánh tại Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết của người nộp thuế  Lý do quy định: tổng hợp đầy đủ thông tin liên quan đến các giao dịch liên kết phát sinh trong kỳ của doanh nghiệp.  - Nội dung thông tin 5: gồm 12 chỉ tiêu xác định kết quả sản xuất kinh doanh của người nộp thuế sau khi xác định giá giao dịch liên kết.  Lý do quy định: tổng hợp đầy đủ thông tin liên quan đến nghĩa vụ thuế của người nộp thuế sau khi thực hiện kê khai xác định giá giao dịch liên kết. | |
|  | | | | | |  | |
| **10. Yêu cầu, điều kiện** | | | | | | | |
| TTHC này có quy định yêu cầu, điều kiện không? | | | | | | Không ⮽   Có  | |
|  | | | | |  | | |
|  | | | | |  | | |
| **11. Kết quả: Tờ khai xác định giá thị trường.** | | | | | | | |
| - Giấy phép                     - Giấy chứng                  - Giấy đăng ký                - Chứng chỉ                  - Thẻ                           - Quyết định hành chính 🗌  - Văn bản xác nhận/chấp thuận    ⮽  - Loại khác:                 Đề nghị nêu rõ: ............... | | | - Có quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực: Có   Không ⮽  + Nếu CÓ, nêu thời hạn cụ thể:  + Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:..........................................  - Phạm vi có giá trị hiệu lực: Toàn quốc ⮽   Địa phương   Lý do: .......................................................................  - Có thể kéo dài thời hạn/ thay đổi phạm vi giá trị hiệu lực: Có    Không ⮽  Lý do:.........................................................................................  - Có quy định điều kiện có hiệu lực của kết quả: Có    Không ⮽  Lý do:.....................................................................................  - Mẫu kết quả TTHC có phù hợp về nội dung, hình thức: Có ⮽   Không   Lý do:............................................................................................. | | | | |
| **12. Quy định về từng bộ phận cấu thành của TTHC có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không?** | | | | | | | |
| a) Với văn bản của cơ quan cấp trên | | - Có    Không ⮽  - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ:  + Tên bộ phận cấu thành: .......................................................................  + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:.................................................................................... | | | | | |
| b) Với văn bản của cơ quan khác | | Có    Không ⮽  - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ:  + Tên bộ phận cấu thành:.........................................................................  + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:...................................................................................... | | | | | |
| c) Với Điều ước quốc tế mà Việt Nam gia nhập, ký kết | | Có    Không ⮽  - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ:  + Tên bộ phận cấu thành:.......................................................  + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:.................................................................................... | | | | | |
| **III. THÔNG TIN LIÊN HỆ** | | | | | | | |
| Họ và tên người điền: ………………..  Điện thoại cố định: ………………; Di động: ………………; E-mail: ............@gdt.gov.vn | | | | | | | |

**PHỤ LỤC III**

BIỂU MẪU RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (BIỂU MẪU 02/RS-KSTT)  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24 tháng 02 năm 2014*

*của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH**  **-------** | ***Biểu mẫu 02/RS-KSTT*** |

**BIỂU RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. THÔNG TIN CHUNG** | | | | | | | | | | |
| **1. Tên TTHC**  (+ Mã số hồ sơ trên CSDLQG về TTHC) | | | | | | | | | Kê khai thông tin giao dịch liên kết | |
| **2. Lĩnh vực** | | | | | | | | | Quản lý thuế đối với giao dịch liên kết | |
| **3. Văn bản quy định về TTHC** | | | | | | | | | Nghị định …/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ. | |
| **4. Cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát** | | | | | | | | | Bộ Tài chính | |
| **II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | | | | | | | | | | |
| **1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?** | | | | | | | | a) Đối với quản lý nhà nước:  Mục tiêu: Cơ quan thuế quản lý đầy đủ, chặt chẽ thông tin các giao dịch được thực hiện giữa người nộp thuế và các bên liên kết, thông tin về xác định giá giao dịch liên kết theo các giao dịch độc lập, thông tin giao dịch có rủi ro cao về tránh né thuế nhằm đánh giá, kiểm soát rủi ro chuyển giá, tránh thuế; đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật thuế để có biện pháp quản lý phù hợp với từng nhóm đối tượng người nộp thuế.  b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức: Người nộp thuế có nghĩa vụ kê khai, xác định giá giao dịch liên kết theo quy định | | |
| **2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu 1 của TTHC có sự thay đổi hoặc không được đáp ứng?** | | | | | | | | a) Có thay đổi hay không?  - Mục tiêu a.1:           Có                       Không ⮽  Lý do: không đảm bảo cho công tác quản lý  b) Có được đáp ứng hay không?  - Mục tiêu a.1:           Có ⮽                      Không   Lý do: Người nộp thuế tự kê khai và nộp tờ khai thông tin giao dịch liên kết. Cơ quan thuế thực hiện đánh giá rủi ro và thực hiện các biện pháp quản lý phù hợp (Khuyến khích, hỗ trợ tuân thủ tự nguyện, thực hiện kiểm tra, thanh tra đối với người nộp thuế có rủi ro cao). | | |
| **3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi mục tiêu của TTHC thay đổi hoặc không được đáp ứng?** | | | | | | | | a) Duy trì TTHC:   Lý do:...........................................................................................................  b) Bãi bỏ TTHC:   Lý do:...........................................................................................................  c) Thay thế TTHC:   Lý do: ……………………………………………………………………..  d) Sửa đổi, bổ sung TTHC: ⮽  Lý do: Đảm bảo phù hợp với các nội dung sửa đổi, bổ sung mới tại Nghị định sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ.  e) Áp dụng biện pháp khác (không phải TTHC):   Lý do:............................................................................................................... | | |
| **4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?** | | | | | | | | Có       Không ⮽  Nếu CÓ,  - Đối với TTHC 1: ……..............................................................................  (i) Nội dung thay đổi: ......................................................................................  (ii) Lý do: .....................................................................................................  - Đối với TTHC n: ……...............................................................................  (i) Nội dung thay đổi: ……..............................................................................  (ii) Lý do: .................................................................................................... | | |
| **III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC** | | | | | | | | | | |
| **1. Tên thủ tục hành chính** | | | | | | | | | | |
| Có được quy định rõ ràng, thống nhất và phù hợp không? | | Có ⮽      Không   (i) Lý do: quy định rõ đối tượng thực hiện, nội dung thủ tục  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): ................................................ | | | | | | | | |
| **2. Trình tự thực hiện** | | | | | | | | | | |
| a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp không? | | Có ⮽      Không   (i) Lý do: quy định rõ ràng về Tờ khai, nơi nộp và NNT tự khai, tự nộp thuế vào NSNN  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): ................................................. | | | | | | | | |
| b) Có được quy định hợp lý giữa các bước không? | | Có ⮽      Không   (i) Lý do: .......................................................................................................  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): ......................................... | | | | | | | | |
| **3. Các bước thực hiện** | | | | | | | | | | |
| Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp không? | | | Có ⮽      Không   (i) Lý do: NNT chỉ cần chuẩn bị hồ sơ theo mẫu và nộp cho cơ quan thuế.  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): ...................................... | | | | | | | |
| **4. Hồ sơ** | | | | | | | | | | |
| a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp về thành phần không? | | | | | Có ⮽      Không    1. Lý do: Thành phần hồ sơ chỉ có 01 Tờ khai theo Mẫu số 01 ban hành kèm Nghị định 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ 2. (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): ................................................................................................... | | | | | |
| b) Có được quy định rõ ràng và phù hợp về số lượng không? | | | | | Có ⮽      Không   (i) Lý do:Quy định 01 bộ hồ sơ  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): ................................................................................................... | | | | | |
| **5. Thời hạn giải quyết:** | | | | | | | | | | |
| Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | | | Có ⮽      Không 🗌   1. Lý do:   (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): ............................................................................................... | | | | | | | |
| **6. Cơ quan giải quyết** | | | | | | | | | | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? | | | Có ⮽      Không    1. Lý do: Thủ tục này do người nộp thuế thực hiện. 2. (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): ................................................................................................... | | | | | | | |
| b) Có thể ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | | | Có       Không ⮽  (i) Lý do: Thủ tục này được phân cấp thực hiện  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ): .......................................................................................................... | | | | | | | |
| **7. Đối tượng thực hiện** | | | | | | | | | | |
| a) Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng tuân thủ không? | | | Có       Không ⮽  (i) Lý do: ...................................................................................................  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ): .......................................................................................................... | | | | | | | |
| b) Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không? | | | Có       Không ⮽  (i) Lý do: ....................................................................................................................  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ): ........................................................... | | | | | | | |
| **8. Phí, lệ phí** | | | | | | | | | | |
| a) TTHC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác không? | | | | | | | | | | - Phí:                   Có        Không ⮽  - Lệ phí:               Có        Không ⮽  - Chi phí khác:     Có        Không ⮽ |
| b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không? | | | | | | | | | |  |
| c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không? | | | | | | | | | |  |
| d) Quy định về chi phí khác có hợp lý, hợp pháp không? | | | | | | | | | |  |
| đ) Cách thức nộp phí, lệ phí có hợp lý không? | | | | | | | | | |  |
| **9. Mẫu đơn, tờ khai** | | | | | | | | | | |
| Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | Có ⮽      Không   (i) Lý do: đảm bảo nội dung xác nhân trách nhiệm của doanh nghiệp đã khai.  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): ................................................................................................... | | | | | | | | | |
| ***Mẫu đơn, tờ khai :*** *Tờ khai Mẫu số* 01 | | | | | | | | | | |
| a) Nội dung thông tin | - Nội dung 1: Thông tin định danh của NNT  Cần thiết: Có ⮽ Không ;      Hợp lý: Có ⮽ Không ;       Hợp pháp: Có ⮽ Không   (i) Lý do: xác định thông tin định danh về NNT có phát sinh giao dịch liên kết  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): ..............................................  - Nội dung 2: Thông tin về giao dịch liên kết  Cần thiết: Có ⮽ Không ;      Hợp lý: Có ⮽ Không ;    Hợp pháp: Có ⮽ Không   (i) Lý do: xác định thông tin về giá thị trường hợp của các giao dịch liên kết  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): | | | | | | | | | |
| b) Yêu cầu xác nhận (nếu có) | Cần thiết: Có ⮽ Không🗌;     Hợp lý: Có ⮽ Không ;     Hợp pháp: Có ⮽ Không   Nếu KHÔNG, nêu rõ:  (i) Lý do: .........................................................................................................  (ii) Phương án xử lý: ...................................................................................... | | | | | | | | | |
| c) Ngôn ngữ | Cần thiết: Có ⮽ Không ;    Hợp lý: Có ⮽ Không ;     Hợp pháp: Có ⮽ Không   Nếu KHÔNG, nêu rõ:  (i) Lý do: ............................................................................................................  (ii) Phương án xử lý: .......................................................................................... | | | | | | | | | |
| **10. Yêu cầu, điều kiện** | | | | | | | | | | |
| TTHC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không? | | | | Có       Không⮽  (i) Lý do: .............................................................................................................  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): | | | | | | |
| **11. Kết quả thực hiện: Tờ khai giao dịch liên kết.** | | | | | | | | | | |
| a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không? | | | | | | Có 🗌      Không ⮽  (i) Lý do:  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): Xác nhận không có thời hạn. | | | | |
| b) Quy định thời hạn có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không? | | | | | | Hợp lý:        Có    Không ;       Hợp pháp: Có   Không   (i) Lý do: .......................................................................................................  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): .......................................... | | | | |
| c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không? | | | | | | Hợp lý:        Có 🗌   Không ;       Hợp pháp: Có 🗌   Không   (i) Lý do: ..................................................................................................  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): ......................................... | | | | |
| **12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung** (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định) | | | | | | | | | | |
| a) Luật        | | | | | | | .................................................................................................................. | | | |
| b) Pháp lệnh  | | | | | | | ........................................................................................................................... | | | |
| c) Nghị định    | | | | | | | ........................................................................................................................... | | | |
| d) Quyết định của TTCP                | | | | | | | ..................................................................................................................... | | | |
| đ) Thông tư/ Thông tư liên tịch        | | | | | | | .................................................................................................................... | | | |
| e) Quyết định của Bộ trưởng           | | | | | | | .................................................................................................................... | | | |
| g) Văn bản khác                  | | | | | | | .................................................................................................................... | | | |
| **IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ** | | | | | | | | | | |
| Họ và tên người điền:  Điện thoại cố định: ……………………….; Di động: ……………………….; Email: ............@gdt.gov.vn. | | | | | | | | | | |